BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1077 /QĐ-ĐHNLBG

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trình độ đại học của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/5/2019 về sửa đổi các Khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 01/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 29/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 820/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 20/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quyết định kèm theo Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trình độ đại học của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang (*Có phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 479/QĐ-ĐHNLBG ngày 16/5/2024; Quyết định số 996/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 22/10/2024; Quyết định số 878/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 22/9/2025; Quyết định số 918/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 26/9/2025.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- BGH, CT HĐT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Mai Thị Huyền

QUY ĐỊNH

Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trình độ đại học của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1077/QĐ-ĐHNLBG ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về xét và công nhận kết quả học tập của sinh viên đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc cơ sở đào tạo khác được Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang công nhận chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ đào tạo các ngành chuyên sâu đặc thù. (sau đây gọi chung là trình độ đại học) của Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang (sau đây gọi tắt là Trường).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào học trình độ đại học, sinh viên đang theo học chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy, vừa làm vừa học và đào tạo từ xa của Trường.

Điều 3. Cơ sở pháp lý

1. Thông tư liên tịch số 18/2015/TT-BGDĐT ngày 08/09/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và xã hội ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học;

2. Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;

3. Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

4. Quyết định số 45/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

5. Quyết định số 500/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 29/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học;

6. Quyết định số 820/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 20/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học;

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần) và đáp ứng chuẩn chương trình đào

tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chương trình đào tạo khác gồm chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học hoặc sau đại học mà sinh viên đã học, khác với chương trình đào tạo trình độ đại học mà sinh viên đã tham gia học và đề nghị xét, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

3. Chương trình đào tạo hiện hành là chương trình đào tạo trình độ đại học mà sinh viên sẽ tham gia học và đề nghị xét, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chi.

4. Tín chỉ là đơn vị dùng để đo lường khối kiến thức, kỹ năng và kết quả học tập đã tích lũy được trong một khoảng thời gian nhất định.

5. Học phần là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong chương trình đào tạo.

6. Đề cương chi tiết học phần phản ánh số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần; nội dung lý thuyết và thảo luận hoặc thực hành, phương pháp giảng dạy, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

Điều 5. Phạm vi và mức độ công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Phạm vi công nhận:

a) Sinh viên đang theo học chương trình đào tạo hệ đại học theo hình thức chính quy, vừa làm vừa học và đào tạo từ xa của Trường được xem xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các học phần đã tích lũy từ một chương trình đào tạo đại học, sau đại học của Trường hoặc của cơ sở đào tạo khác;

b) Sinh viên đang theo học chương trình đào tạo hệ đại học theo hình thức chính quy, vừa làm vừa học và đào tạo từ xa tại cơ sở đào tạo khác được xem xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các học phần đã tích lũy khi đăng ký chuyển trường từ cơ sở đào tạo khác đến học tại Trường;

c) Sinh viên đang theo học chương trình đào tạo hệ liên thông từ trung cấp lên đại học theo hình thức chính quy, vừa làm vừa học và đào tạo từ xa của Trường được xem xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các học phần đã tích lũy từ một chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học của Trường hoặc của cơ sở đào tạo khác;

d) Sinh viên đang theo học chương trình đào tạo hệ liên thông từ cao đẳng lên đại học theo hình thức chính quy, vừa làm vừa học và đào tạo từ xa của Trường được xem xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các môn học hoặc học phần

đã tích lũy từ một chương trình đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học của Trường hoặc của cơ sở đào tạo khác;

đ) Sinh viên đang theo học chương trình đào tạo hệ liên thông từ đại học sang đại học theo hình thức chính quy, vừa làm vừa học và đào tạo từ xa của Trường được xem xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các học phần đã tích lũy từ một chương trình đào tạo đại học, sau đại học của Trường hoặc của cơ sở đào tạo khác.

e) Sinh viên đăng ký các chương trình trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo của Trường và cơ sở đào tạo khác được xem xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các học phần đã tích lũy theo chương trình trao đổi và hợp tác.

g) Sinh viên được Trường gửi đi thực tập ở nước ngoài. Các học phần được xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ được Hiệu trưởng phê duyệt theo từng chương trình thực tập cụ thể.

h) Sinh viên được sử dụng chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh; chứng chỉ giáo dục thể chất; các văn bằng, chứng chỉ tin học; các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại Điều 7 quy định này để xem xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

2. Mức độ công nhận:

Hội đồng chuyên môn của Khoa/Trung tâm thuộc Trường (sau đây gọi tắt là Hội đồng chuyên môn) xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ.

a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;

b) Công nhận, chuyên đổi theo từng nhóm học phần;

c) Công nhận, chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.

Điều 6. Điều kiện xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Học phần được xét công nhận kết quả và chuyển đổi tín chỉ phải đảm bảo các điều kiện và tiêu chí sau:

a) Chưa được tích lũy trong chương trình đào tạo hiện hành của Trường;

b) Thuộc một trong các chương trình đào tạo được quy định tại khoản 1 Điều 5 quy định này;

c) Có khối lượng học tập bằng hoặc lớn hơn số tín chỉ của học phần được chuyển đổi trong chương trình đào tạo hiện hành;

d) Có kết quả học tập đạt điểm D trở lên theo thang điểm chữ, hoặc đạt điểm 1,0

trở lên theo thang điểm 4 , hoặc đạt 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

đ) Học phần được công nhận kết quả và chuyển đổi tín chỉ có chuẩn đầu ra phù hợp hoặc có nội dung tương đương, chuyên môn phù hợp với học phần được chuyển đổi trong chương trình đào tạo hiện hành.

2. Điều kiện, tiêu chí để công nhận kết quả và chuyển đổi tín chỉ theo nhóm học phần và theo cả chương trình đào tạo căn cứ vào điểm a khoản 1 điều này và do Hội đồng chuyên môn đề xuất.

3. Các chứng chỉ được xét công nhận kết quả và chuyển đổi tín chỉ theo quy định tại khoản 8, Điều 7 quy định này phải đảm bảo trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày cấp.

4. Có thể ghép nhiều học phần trong chương trình đào tạo đã tốt nghiệp/tích lũy đề xét công nhận kết quả và chuyển đổi tín chỉ cho tối thiểu 01 (một) học phần trong chương trình đào tạo hiện hành

5. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng chuyên môn.

Điều 7. Khối lượng, nội dung và giá trị chuyển đổi tín chỉ

1. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi (không bao gồm khối lượng học tập các học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh, Giáo dục thể chất được xét riêng). Trường hợp này thì xét chuyển đổi tối đa 50% khối lượng của chương trình đào tạo nhưng ưu tiên chuyển đổi cho các học phần/tín chỉ có nội dung gần nhất với học phần trong CTĐT và do Hội đồng chuyên môn quyết định.

2. Quy đổi khối lượng học tập

Quy đổi khối lượng học tập về số tín chỉ của môn học/học phần theo công thức chung:

- Số tín chỉ = số ĐVHT -1

- Số tiết tương ứng = Số ĐVHT *15

Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng chuyên môn.

3. Quy đổi kết quả học tập

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,0 đến 10	A^+	4,0
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	3,7
3	Từ 7,8 đến 8,4	B^+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,7	B	3,0
5	Từ 6,3 đến 6,9	C^+	2,5

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
6	Từ 5,5 đến 6,2	C	2,0
7	Từ 4,8 đến 5,4	D^+	1,5
8	Từ 4,0 đến 4,7	D	1,0

4. Điểm học phần được công nhận trong chương trình đào tạo hiện hành khi ghép nhiều học phần trong chương trình đào tạo khác để xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ là điểm trung bình chung có trọng số (theo số ĐVHT/TC) của các học phần thành phần và được ký hiệu là (*).

5. Điểm học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ là điểm của học phần mà sinh viên được tích lũy từ chương trình đào tạo khác và được ký hiệu là (*)

6. Sinh viên được công nhận kết quả học tập và miễn trừ học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các trường quân đội, công an cấp;

b) Sinh viên đã có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh khi học một chương trình đào tạo trình độ đại học;

c) Sinh viên là người nước ngoài;

d) Sinh viên đã có bằng tốt nghiệp đại học;

e) Trường hợp người học đã tốt nghiệp trình độ Trung cấp, sẽ được miễn trừ 02 TC; người học đã tốt nghiệp trình độ Cao đẳng, sẽ được miễn trừ 3,5 TC của học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh.

7. Sinh viên được công nhận kết quả học tập và miễn trừ học phần Giáo dục thể chất khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tốt nghiệp đại học ngành Giáo dục thể chất hoặc nhóm ngành Thể dục, thể thao;

b) Sinh viên đã hoàn thành học phần Giáo dục thể chất trong một chương trình đào tạo trình độ đại học;

c) Sinh viên bị khuyết tật vận động theo Luật người khuyết tật có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

d) Sinh viên đã có bằng tốt nghiệp đại học.

8. Sinh viên có chứng chỉ/văn bằng ngoại ngữ sau đây được xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho các học phần ngoại ngữ trong các chương trình đào tạo theo bảng quy đổi sau:

8.1. Tiếng Anh

Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEFL iBT	Cambridge ESOL Exams	TOEIC	Khung NLNN 6 bậc Việt Nam	Học phần được miễn	Số tín chỉ	Điểm được công nhận	Ghi chú
C2	8.0-9.0 (Chỉ được miễn học phần có band thi trên 7.5)	114-120	CPE (pass)	945+	6	**1. Ngành Ngôn ngữ Anh**			
						Nghe tiếng Anh 1 (THN2075)	3	10	
						Nói tiếng Anh 1 (THN2076)	3	10	
						Đọc tiếng Anh 1 (THN2077)	3	10	
						Viết tiếng Anh 1 (THN2078)	3	10	
						Nghe tiếng Anh 2 (THN2079)	3	10	
						Nói tiếng Anh 2 (THN2080)	3	10	
						Đọc tiếng Anh 2 (THN2081)	3	10	
						Viết tiếng Anh 2 (THN2082)	3	10	
						2. Các ngành khác			
						Tiếng Anh 1 (THN2022)	3	10	
						Tiếng Anh 2 (THN2023)	4	10	
C1	7.0-7.5	95-113	CAE (pass)	850+	5	**1. Ngành Ngôn ngữ Anh**			

	(Chỉ được miễn học phần có band thi trên 7.0)					Nghe tiếng Anh 1 (THN2075)	3	10	
						Nói tiếng Anh 1 (THN2076)	3	10	
						Đọc tiếng Anh 1 (THN2077)	3	10	
						Viết tiếng Anh 1 (THN2078)	3	10	
						Nghe tiếng Anh 2 (THN2079)	3	9	
						Đọc tiếng Anh 2 (THN2081)	3	9	
						2. Các ngành khác			
						Tiếng Anh 1 (THN2022)	3	10	
						Tiếng Anh 2 (THN2023)	4	10	
B2	6-6.5 (Chỉ được miễn học phần có band thi trên 6.0)	60-94	FCE (Pass)	785+	4	**1. Ngành Ngôn ngữ Anh**			
						Nghe tiếng Anh 1 (THN2075)	3	9	
						Nói tiếng Anh 1 (THN2076)	3	9	
						Đọc tiếng Anh 1 (THN2077)	3	9	
						Viết tiếng Anh 1 (THN2078)	3	9	
						Nghe tiếng Anh 2 (THN2079)	3	8	
						2. Các ngành khác			

						Tiếng Anh 1 (THN2022)	3	9	
						Tiếng Anh 2 (THN2023)	4	9	
B1	5-5.5 (Chỉ được miễn học phần có band thi trên 5.0)	35 - 59	PET (Pass)	550+	3	**1. Ngành Ngôn ngữ Anh**			
						Nghe tiếng Anh 1 (THN2075)	3	8	
						Đọc tiếng Anh 1 (THN2077)	3	8	
						2. Các ngành khác			
						Tiếng Anh 1 (THN2022)	3	8	

Ghi chú: Nếu chứng chỉ quốc tế có kỹ năng thi chưa đạt band theo quy định, sẽ được xem xét quy đổi sang cấp độ phù hợp theo bảng quy đổi.

8.2. Tiếng Trung Quốc

** Đối với sinh viên ngành tiếng Trung Quốc*

Khung tham chiếu CEFR	HSK	Khung NLNN 6 bậc Việt Nam	**Điểm quy đổi học phần được miễn**							
			Thực hành tiếng 1 A1	Thực hành tiếng 2 A1	Thực hành tiếng 1 A2	Thực hành tiếng 2 A2	Thực hành tiếng 1 B1	Thực hành tiếng 2 B1	Thực hành tiếng 1 B2	Thực hành tiếng 2 B2
C2	Cấp 6 (Từ 240 - 300 điểm)	6	10	10	10	10	9	9		
	Cấp 6 (Từ 180 - 239 điểm)		9	9	9	9	8	8		
C1	Cấp 5 (Từ 240 - 300 điểm)	5	10	10	9	9	8			
	Cấp 5 (Từ 180 - 239 điểm)		9	9	8	8				
B2	Cấp 4 (Từ 240 - 300 điểm)	4	10	9	8					
	Cấp 4 (Từ 180 - 239 điểm)		9	8						
B1	Cấp 3 (Từ 240 - 300 điểm)	3	9							
	Cấp 3 (Từ 180 - 239 điểm)		8							

** Đối với sinh viên không phải ngành tiếng Trung Quốc*

Khung tham chiếu CEFR	HSK	Khung NLNN 6 bậc Việt Nam	Học phần được miễn		Điểm được công nhận
C2	Cấp 6	6	**2. Ngành Ngôn ngữ Anh**	**Ngành khác**	
			Tiếng Trung tổng hợp 1 (THN2070)	Tiếng Trung 1	10
			Tiếng Trung tổng hợp 2 (THN2071)	Tiếng Trung 2	10
			Tiếng Trung tổng hợp 3 (THN2072)		10
			Nghe tiếng Trung (THN2098)		9
			Nói tiếng Trung (THN2099)		9
			Đọc tiếng Trung (THN2100)		9
C1	Cấp 5	5	**2. Ngành Ngôn ngữ Anh**	**Ngành khác**	
			Tiếng Trung tổng hợp 1 (THN2070)	Tiếng Trung 1	9
			Tiếng Trung tổng hợp 2 (THN2071)	Tiếng Trung 2	9
			Tiếng Trung tổng hợp 3 (THN2072)		9
			Nghe tiếng Trung (THN2098)		8
			Nói tiếng Trung (THN2099)		8
B2	Cấp 4	4	**2. Ngành Ngôn ngữ Anh**	**Ngành khác**	
			Tiếng Trung tổng hợp 1 (THN2070)	Tiếng Trung 1	8
			Tiếng Trung tổng hợp 2 (THN2071)	Tiếng Trung 2	8
B1	Cấp 3	3	**2. Ngành Ngôn ngữ Anh**	**Ngành khác**	
			Tiếng Trung tổng hợp 1 (THN2070)	Tiếng Trung 1	8

9. Sinh viên đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học các ngành Sư phạm Tiếng Anh/ Tiếng Trung, Ngôn ngữ Anh/Ngôn ngữ Trung Quốc hoặc các ngành khác được đào tạo hoàn toàn bằng Tiếng Anh/Tiếng Trung được xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho cho các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo theo bảng quy đổi sau:

TT	Loại văn bằng	Điểm quy đổi cho các học phần	
		Tiếng Anh 1/ Tiếng Trung 1	Tiếng Anh 2/ Tiếng Trung 2
1	Bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học các ngành Sư phạm Tiếng Anh/Tiếng Trung, Ngôn ngữ Anh/Ngôn ngữ Trung Quốc.	10	10
2	Bằng tốt nghiệp cao đẳng các ngành Sư phạm Tiếng Anh/Tiếng Trung, Ngôn ngữ Anh/Ngôn ngữ Trung Quốc.	9	9
3	Bằng tốt nghiệp trung cấp các ngành Sư phạm Tiếng Anh/Tiếng Trung, Ngôn ngữ Anh/Ngôn ngữ Trung Quốc.	8	8

10. Cách tính điểm công nhận của các học phần tin học

Sinh viên có chứng chỉ tin học sau thì sẽ được miễn học các học phần tương ứng và giảm học phí.

10.1. Chứng chỉ tin học quốc tế MOS

STT	Cấp độ	Dải điểm	Học phần được miễn	Điểm được công nhận
1	*Specialist*	≥ 700	Tin học đại cương	= Điểm một trong các bài thi (MS Word, Excel, PowerPoint, Access, Outlook) /100
2	*Expert*	≥ 700		= Điểm một trong các bài thi (Word Expert, Excel Expert) /100
3	*Master*	≥ 700		= Điểm một trong các bài thi (Word Expert, Excel Expert, PowerPoint và một trong 2 bài thi: Outlook hoặc Access) /100

10.2. Chứng chỉ tin học quốc tế ICDL:

STT	Nội dung	Dải điểm	Học phần được miễn	Điểm được công nhận
1	Computer Essentials	≥ 750	Tin học đại cương	= Trung bình bài thi ICDL/100
2	Online Essentials	≥ 750		
3	Word Processing	≥ 750		
4	Spreadsheets	≥ 750		
5	Presentation	≥ 750		
Trung bình bài thi ICDL= (Điểm bài thi nội dung 1 + Điểm bài thi nội dung 2 + Điểm bài thi nội dung 3 + Điểm bài thi nội dung 4 + Điểm bài thi nội dung 5)/5				

10.3. Chứng chỉ tin học quốc tế IC3

STT	Nội dung	Dải điểm	Học phần được miễn	Điểm được công nhận
1	Computing Fundamentals	≥ 700	Tin học đại cương	= Trung bình bài thi IC3/100
2	Key Applications	≥ 700		
3	Living Online	≥ 700		
Trung bình bài thi IC3= (Điểm bài thi nội dung 1 + Điểm bài thi nội dung 2 + Điểm bài thi nội dung 3)/3				

10.4. Sinh viên đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học các ngành Công nghệ thông tin hoặc các ngành khác liên quan được công nhận đạt chuẩn đầu ra tin học và được xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho cho các học phần tin học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo theo bảng quy đổi sau:

TT	Loại vàn bằng	Điểm quy đổi cho học phần
		Tin học đại cương
1	Bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học các ngành Công nghệ thông tin hoặc các ngành khác liên quan.	10
2	Bằng tốt nghiệp cao đẳng các ngành Công nghệ thông tin hoặc các ngành khác liên quan.	9
3	Bằng tốt nghiệp trung cấp các ngành Công nghệ thông tin hoặc các ngành khác liên quan.	8

10.5. Đối với sinh viên đã có chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản thì

chỉ được áp dụng miễn chuẩn đầu ra đối với hình thức đào tạo Đại học chứ không được công nhận học phần và quy đổi điểm đối với các môn học về tin học;

11. Người học được công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và miễn trừ các học phần lý luận chính trị (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lên Nin, Đường lối cách mạng của ĐCSVN, Tư tưởng Hồ Chí Minh):

- Đã hoàn thành học phần Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Đường lối cách mạng của ĐCSVN, Tư tưởng Hồ Chí Minh khi học một chương trình đào tạo trình độ trước;

- Có một trong các văn bằng/chứng chỉ: cao cấp lý luận chính trị, cử nhân chính trị, trung cấp lý luận chính trị.

Điều 8. Lệ phí xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Sinh viên được miễn lệ phí xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các trường hợp sau:

a) Sinh viên được xét miễn trừ các học phần đã tích lũy từ chương trình đào tạo trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học trong chương trình đào tạo hiện hành khi theo học các chương trình đào tạo hệ liên thông từ trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học sang đại học;

b) Sinh viên đang học tập tại Trường nhưng muốn xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ một số học phần đã tích lũy từ chương trình đào tạo khác cùng trình độ của Trường;

c) Sinh viên thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 6, 7 Điều 7 quy định này.

2. Sinh viên phải nộp lệ phí xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ bằng 30% học phí theo tín chỉ tương ứng với học phí của học phần được xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, đối với các trường hợp sau:

- Sinh viên sử dụng các chứng chỉ được quy định tại khoản 8, 10 Điều 7 quy định này để xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

3. Sinh viên phải nộp lệ phí xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ bằng 100% học phí theo tín chỉ tương ứng với học phí của học phần được xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, đối với các trường hợp sau:

- Sinh viên được Trường gửi đi thực tập ở nước ngoài;

- Sinh viên được cử đi tham gia học tập, thực hành, thực tập tại các cơ sở được đào tạo ở Trung Quốc phải nộp lệ phí xét công nhận kết quả học và chuyển đổi tín chỉ mức thu 1.500.000đ/học kỳ.

- Sinh viên được cử đi tham gia học tập, thực hành, thực tập tại các cơ sở đào tạo khác thì mức thu theo quyết định của Nhà trường.

Điều 9. Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Hội đồng chuyên môn do của Khoa/Trung tâm thành lập. Hội đồng có tối thiểu 05 thành viên bao gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch, ủy viên thường trực, các ủy viên và thư ký.

2. Hội đồng chuyên môn căn cứ vào quy định, có trách nhiệm xem xét và đề xuất với Hiệu trưởng công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

Điều 10. Quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ theo từng học phần hoặc nhóm học phần:

Bước 1: Trước khi bắt đầu học kỳ 30 ngày, Phòng Đào tạo gửi thông báo tới các khoa/Trung tâm và sinh viên về việc nộp đơn đề nghị xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ (kèm hồ sơ: các văn bằng/chứng chỉ/bảng điểm). (Đối với các sinh viên năm thứ nhất hoặc sinh viên chuyển trường được thông báo khi làm thủ tục nhập học);

Bước 2: Trước kỳ học 15 ngày phòng Đào tạo nhận đơn và các hồ sơ kèm theo (các văn bằng/chứng chỉ/bảng điểm) gửi cho các Khoa/Trung tâm quản lý mã học phần. (Đối với các sinh viên năm thứ nhất hoặc sinh viên chuyển trường nộp sau khi nhập học muộn nhất 1 tuần);

Bước 3: Khoa/ Trung tâm quản lý học phần tiến hành rà soát, xác thực, đối sánh và tổng hợp kết quả. Gửi kết quả và biên bản họp của Hội đồng chuyên môn về phòng Đào tạo trước khi bắt đầu học kỳ 7 ngày (Đối với các sinh viên năm thứ nhất hoặc sinh viên chuyển trường xét sau khi nhập học muộn nhất 2 tuần);

Bước 4: Phòng Đào tạo tổng hợp hồ sơ; trình Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập trước khi bắt đầu học kỳ 3 ngày (Đối với các sinh viên năm thứ nhất hoặc sinh viên chuyển trường kết quả trình sau khi nhập học muộn nhất 3 tuần);

Bước 5: Khoa/Trung tâm nhập điểm lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và thông báo kết quả cho từng người học khi bắt đầu học kỳ. (Đối với các sinh viên năm thứ nhất hoặc sinh viên chuyển trường sau khi có quyết định công nhận kết quả); Sinh viên đóng lệ phí các học phần được xét công nhận miễn học miễn thi và quy đổi điểm theo quy định.

2. Quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ theo chương trình đào tạo:

Bước 1: Vào đầu khóa học, phòng Đào tạo gửi kết quả học tập trình độ trung cấp, cao đẳng hoặc đại học của sinh viên về khoa quản lý học phần để xét miễn trừ các học phần theo chương trình đào tạo hiện hành;

Bước 2: Khoa quản lý học phần tập hợp hồ sơ; tiến hành rà soát, xác thực, đối sánh vả tổng hợp kết quả; trình Hội đồng chuyên môn họp xét và thống nhất các học phần được miễn trừ theo chương trình đào tạo hiện hành; gửi kết quả và biên bản họp của Hội đồng chuyên môn về phòng Đào tạo chậm nhất 14 ngày kể từ ngày nhận đề nghị;

Bước 3: Phòng Đào tạo tổng hợp hồ sơ; trình Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận khối lượng được miễn trừ theo từng chương trình đào tạo hiện hành;

Bước 4: Khoa/ Trung tâm thông báo danh sách các học phần cần tích lũy cho sinh viên trước khi bắt đầu học kỳ đầu tiên 7 ngày và nhập điểm các học phần được quy đổi điểm lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

3. Quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ theo chương trình thực tập ở nước ngoài và chương trình trao đổi sinh viên, hợp tác trong đào tạo của Trường với cơ sở đào tạo khác:

Bước 1: Sinh viên nộp lệ phí xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ tại Phòng Tài chính - Kế toán;

Bước 2: Sinh viên nộp bản sao có chứng thực giấy chứng nhận hoàn thành chương trình thực tập ở nước ngoài/bảng điểm/giấy chứng nhận hoàn thành chương trình trao đổi hợp tác trong đào tạo của Trường với cơ sở đào tạo khác về phòng Đào tạo;

Bước 3: Phòng Đào tạo tổng hợp hồ sơ; trình Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và nhập điểm lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo trong 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

Bước 4: Sinh viên được Khoa/Trung tâm thông báo kết quả và các học phần được công nhận.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Hằng năm, đầu mỗi học kỳ, Trường sẽ tổ chức xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên. Sinh viên có đủ điều kiện và có nhu cầu được công nhận kết quả học tập và chuyển đôi tin chi phải có đơn đề nghị theo mẫu của Trường.

2. Khoa/Trung tâm quản lý học phần:

a) Là đơn vị kiểm tra, xác thực tính hợp lệ của văn bằng, thời hạn còn giá trị của chứng chỉ tính đến thời điểm được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, xác

nhận các học phần mà sinh viên được công nhật kết quả theo quy định;

b) Lập danh sách và biên bản đề nghị gửi phòng Đào tạo đề nghị Ban Giám hiệu công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên;

c) Nhập điểm lên phần mềm và thông báo kết quả cho sinh viên sau khi có quyết định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

3. Phòng Tài chính-Kế toán:

a) Là đơn vị kiểm tra, xác định và thu lệ phí xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên theo quy định hiện hành;

b) Phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện các công việc liên quan đến quá trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên;

4. Phòng khoa học và HTQT, phòng đào tạo

a) Là đơn vị kiểm tra xác nhận danh sách sinh viên tham gia, thông tin các chương trình thực tập ở nước ngoài, chương trình trao đổi hợp tác trong đào tạo của Trường với cơ sở đào tạo khác;

b) Phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện các công việc liên quan đến quá trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên;

5. Phòng Đào tạo

a) Là đơn vị thường trực có trách nhiệm triển khai, tổng hợp hồ sơ và trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên;

b) Phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện các công việc liên quan đến quá trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên;

c) Lưu trữ quyết định, danh sách công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ theo quy định hiện hành.

d) Công khai kết quả công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên trên trang thông tin điện tử của Trường (sau khi quyết định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đã được phê duyệt).

Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

1. Việc xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với những trường hợp đã nhận đơn đề nghị xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trước ngày quy định này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo quy định.

2. Định kỳ, Trường tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện, bổ sung và chỉnh sửa quy định này cho phù hợp với điều kiện thực tế của Trường./.

Phụ lục 1: Mẫu Đơn của SV đề nghị xét miễn học phần

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
XÉT MIỄN VÀ CÔNG NHẬN ĐIỂM CÁC HỌC PHẦN

Kính gửi:

- Ban Giám Hiệu Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;
- Phòng Đào tạo;
- Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học.

Tên em là: ..... Mã số SV: ..... Lớp: .....

Khóa: ..... Ngành: .....

Số điện thoại: .....

Nay em làm đơn này kính đề nghị Nhà trường xét miễn và công nhận điểm tương ứng cho các học phần trong Chương trình đào tạo do em đã có chứng chỉ:..... theo quy định. Cụ thể như sau:

1. Văn bằng/ Chứng chỉ ..... **còn hiệu lực** *(bản sao có công chứng, và xuất trình bản gốc để đối chiếu)*

Tên chứng chỉ: .....

Kết quả: .....

Ngày cấp:.....

2. Các học phần đề nghị được xét công nhận và chuyển đổi điểm

STT	Tên học phần được xét miễn	Số tín chỉ	Điểm quy đổi tương ứng	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				

Em xin cam kết thực hiện đúng các quy định của Trường về việc xét miễn và công nhận điểm các học phần.

Em xin chân thành cảm ơn!

Bắc Ninh, ngày ..... tháng..... năm 20....

SINH VIÊN

(ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2: Mẫu biên bản họp xét miễn và công nhận điểm học phần của Hội đồng chuyên môn

BỘ NÔNG NGHIỆP & MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG CHUYÊN MÔN
Xét miễn và công nhận điểm các học phần

I. Thời gian, địa điểm, thành phần

- Thời gian: …giờ…phút, ngày….tháng ….năm 20…
- Địa điểm: ……
- Thành phần: Hội đồng chuyên môn xét miễn và công nhận điểm học phần

1. Ông/ Bà…… Chủ tịch Hội đồng
2. Ông/ Bà…… Thư ký

II. Nội dung: Xét miễn và công nhận điểm học phần cho sinh viên (các) ngành……

Thực hiện theo các hướng dẫn và quy định hiện hành, Hội đồng xét miễn và công nhận điểm học phần đề nghị xét và công nhận kết quả xét miễn và điểm học phần cho sinh viên theo danh sách đính kèm.

Kèm theo Biên bản là kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần cho sinh viên và bản sao (các) văn bằng/ chứng chỉ được sử dụng để xét miễn học phần

Bắc Ninh, ngày …… tháng….. năm 20…

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG	**THƯ KÝ**
(ký và ghi rõ họ tên)	(ký và ghi rõ họ tên)

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG KÝ TÊN

1……
2……
3……

Phụ lục 3: Danh sách sinh viên và kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần

BỘ NÔNG NGHIỆP & MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

DANH SÁCH SINH VIÊN VÀ KẾT QUẢ XÉT MIỄN & CÔNG NHẬN ĐIỂM CÁC HỌC PHẦN

(Kèm theo Biên bản họp ngày ..... tháng ..... .năm 20... về xét miễn và công nhận điểm học phần của Hội đồng)

STT	Họ tên sinh viên	Mã số sinh viên	Tên học phần được xét miễn	Mã học phần	Số tín chỉ	Điểm quy đổi tương ứng được xét	Ghi chú
1							
2							
3							
4							
5							

Bắc Ninh, ngày ..... tháng..... năm 20...

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(ký và ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

BẢNG KẾT QUẢ CÔNG NHẬN VÀ CHUYỂN ĐIỂM CỦA SINH VIÊN NGÀNH .....

Họ và tên SV: ..... **Mã số SV:** ..... **Lớp:** .....

Khóa: ... **Ngành:** ..... **Số điện thoại**: .....

Các học phần sinh viên ..... được xét công nhận và chuyển đổi điểm cụ thể như sau:

STT	Tên học phần được xét miễn	Số tín chỉ	Điểm quy đổi tương ứng được xét	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				

Tổng số học phần được xét công nhận và chuyển điểm: .....

Tổng số tín chỉ được công nhận: .....

Bắc Ninh, ngày ..... tháng..... năm 20...

TRƯỞNG ĐƠN VỊ	**PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN**	**TRỢ LÝ GIÁO VỤ**
(ký và ghi rõ họ tên)	*(ký và ghi rõ họ tên)*	*(ký và ghi rõ họ tên)*